

Số: 15/2018/QĐ -UBND

Kon Tum, ngày 23 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội; Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Thông tư số 161/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quy chế xử lý nợ bị rủi ro của Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 09 tháng 02 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 09 tháng 02 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1124/TTr-STC ngày 26 tháng 4 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2018 và thay thế:

- Quyết định số 13/2008/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý sử dụng vốn ủy thác từ ngân sách tỉnh sang Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với hộ nghèo trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý sử dụng vốn ủy thác từ ngân sách tỉnh sang Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với hộ nghèo trên địa bàn tỉnh kèm theo Quyết định số 13/2008/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Khi các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy chế ban hành kèm theo Quyết định này được cấp thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 3. Các Giám đốc: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch Đầu tư, Sở Lao động Thương binh Xã hội, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Chi cục Văn thư - lưu trữ tỉnh;
- Đài Phát thanh truyền hình tỉnh, Báo Kon Tum, Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, KT7. *lss*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hòa

QUY CHẾ

**Quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua
Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và
các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 23/5/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện (sau đây gọi tắt là ngân sách địa phương) ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh (viết tắt là NHCSXH cấp tỉnh) đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh và nguồn vốn ngân sách thành phố Kon Tum, ủy thác qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện (viết tắt là NHCSXH huyện) đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH tỉnh, NHCSXH huyện để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH tỉnh, NHCSXH huyện để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn được quản lý và sử dụng theo quy định tại Quy chế này.

1. Nguồn vốn ngân sách địa phương trích hằng năm ủy thác qua NHCSXH tỉnh, NHCSXH huyện để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (đối với ngân sách cấp tỉnh), Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định (đối với ngân sách huyện, thành phố).

Hằng năm, căn cứ mục tiêu về giảm nghèo và tạo việc làm được cấp thẩm quyền phê duyệt, NHCSXH tỉnh, NHCSXH huyện chủ động đề xuất, phối hợp với cơ quan Tài chính cùng cấp tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân cùng cấp trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bổ sung nguồn vốn từ ngân sách địa phương theo khả năng ngân sách để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn.

2. Nguồn vốn còn lại tại thời điểm giải thể của Quỹ giải quyết việc làm địa phương thành lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được trích hằng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Quy chế này.

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Cơ quan ký hợp đồng ủy thác với NHCSXH tỉnh, NHCSXH huyện

1. Sở Tài chính là cơ quan ký hợp đồng ủy thác với NHCSXH tỉnh (*đối với nguồn vốn ngân sách tỉnh*).

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Kon Tum là cơ quan ký hợp đồng ủy thác với NHCSXH tỉnh (*đối với nguồn vốn ngân sách thành phố Kon Tum*); Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện là cơ quan ký hợp đồng ủy thác với NHCSXH huyện (*đối với nguồn vốn ngân sách huyện*).

Điều 4. Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách

1. Hằng năm, căn cứ vào hợp đồng ủy thác, phụ lục hợp đồng ủy thác và đề nghị của NHCSXH tỉnh, NHCSXH huyện:

Sở Tài chính (*đối với nguồn vốn ngân sách tỉnh*), Phòng Tài chính - Kế hoạch (*đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện*) thực hiện chuyển nguồn vốn ủy thác ngân sách địa phương bằng lệnh chi tiền sang NHCSXH tỉnh, NHCSXH huyện theo phụ lục hợp đồng ủy thác đã ký kết.

2. Vốn ngân sách địa phương ủy thác cho NHCSXH tỉnh, NHCSXH huyện được hạch toán chi theo mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 5. Đối tượng cho vay

Đối tượng cho vay theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và một số đối tượng chính sách khác tại địa phương do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (*nếu có*).

Điều 6. Mục đích sử dụng vốn vay

Mục đích sử dụng vốn vay theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ và tình hình đối tượng, nhu cầu sử dụng vốn vay thực tế của địa phương trong từng thời kỳ được cấp có thẩm quyền quy định.

Điều 7. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình, thủ tục hồ sơ cho vay, quy trình thu nợ, thu lãi tiền vay, bảo đảm tiền vay (nếu có)

1. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình, thủ tục hồ sơ cho vay, quy trình thu nợ, thu lãi tiền vay, bảo đảm tiền vay (nếu có) được thực hiện theo quy định hiện hành của NHCSXH Việt Nam.

2. Trường hợp đối tượng vay vốn thuộc diện được hỗ trợ lãi suất thì thực hiện thu lãi đối với đối tượng vay bằng mức lãi suất cho vay trừ đi (-) mức hỗ trợ lãi suất theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Điều 8. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Thẩm quyền gia hạn nợ do NHCSXH tỉnh, NHCSXH huyện xem xét, quyết định theo quy định của NHCSXH Việt Nam trong từng thời kỳ.

2. Thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ thực hiện theo quy định của NHCSXH Việt Nam trong từng thời kỳ.

Điều 9. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

1. NHCSXH tỉnh, NHCSXH huyện quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của NHCSXH tỉnh, NHCSXH huyện và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

a) Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài Chính.

Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh);

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho NHCSXH tỉnh, NHCSXH huyện theo dư nợ cho vay bình quân. Mức phí quản lý tối thiểu bằng mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho NHCSXH trong từng thời kỳ. Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho NHCSXH tỉnh, NHCSXH huyện theo quy định, ngân sách địa phương cấp bù phần còn thiếu cho NHCSXH tỉnh, NHCSXH huyện nơi nhận ủy thác theo phân cấp hiện hành;

c) Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban Đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh, NHCSXH cấp huyện, các cơ quan, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH tỉnh, NHCSXH huyện nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Mức trích phí tối đa không quá 15% số tiền lãi thu được. Căn cứ mức phí được trích, Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh, NHCSXH cấp huyện có trách nhiệm quyết định mức chi cho các nhiệm vụ tại mục này cho phù hợp trong phạm vi nguồn phí được trích;

d) Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

2. Nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng được thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 10. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

2. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định (*đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh*), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định (*đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện*).

3. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được NHCSXH trích lập đối với cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương.

4. Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện; NHCSXH tỉnh, NHCSXH cấp huyện báo cáo Ban Đại diện hội đồng quản trị NHCSXH cấp cùng cấp có ý kiến đề xuất xử lý trước khi gửi cơ quan Tài chính cùng cấp chủ trì, phối hợp với cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp bổ sung ngân sách địa phương để xử lý, hoặc giám trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương chuyển qua NHCSXH tỉnh, NHCSXH huyện.

5. Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

6. Đối với quỹ dự phòng rủi ro địa phương đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 73/2008/TT-BTC ngày 01 tháng 8 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng Quỹ giải quyết việc làm địa phương và kinh phí quản lý Quỹ quốc gia về việc làm, được tiếp tục giao NHCSXH tỉnh, NHCSXH huyện quản lý để xử lý rủi ro theo quy định.

Điều 11. Chế độ báo cáo

1. Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp tỉnh và ngân sách thành phố Kon Tum ủy thác qua NHCSXH tỉnh: Định kỳ 6 tháng (trước ngày 20 tháng 7), hằng năm (trước ngày 28 tháng 02 năm sau) hoặc theo yêu cầu đột xuất, NHCSXH tỉnh báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính (nếu vốn ủy thác từ ngân sách cấp tỉnh), gửi Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum và Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố (nếu vốn ủy thác từ ngân sách thành phố Kon Tum).

2. Đối với nguồn vốn do ngân sách huyện ủy thác qua NHCSXH huyện: Định kỳ 6 tháng (trước ngày 20 tháng 7), hằng năm (trước ngày 28 tháng 02 năm sau)

hoặc theo yêu cầu đột xuất, NHCSXH cấp huyện báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi Ủy ban nhân dân huyện và Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện.

Điều 12. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc NHCSXH Việt Nam.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Cơ quan Tài chính cấp tỉnh, cấp huyện chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân cùng cấp:

a) Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, bố trí nguồn vốn từ ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện ủy thác cho NHCSXH tỉnh, NHCSXH huyện hằng năm tùy theo khả năng cân đối ngân sách địa phương; chuyển vốn đầy đủ, kịp thời cho NHCSXH tỉnh, NHCSXH huyện để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn;

b) Phối hợp với cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội cùng cấp kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 9 Quy chế này.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác:

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay;

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản và hợp đồng ủy thác đã ký với NHCSXH tỉnh, NHCSXH huyện.

3. NHCSXH tỉnh, NHCSXH huyện:

a) Chịu trách nhiệm toàn diện việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách tỉnh và ngân sách cấp huyện chuyển sang NHCSXH tỉnh, NHCSXH huyện theo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại Quy chế này. Quản lý và sử dụng nguồn vốn ủy thác, nguồn quỹ dự phòng rủi ro tín dụng theo đúng quy định; sử dụng hiệu quả vốn thu hồi để cho vay quay vòng, không để vốn tồn đọng;

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định;

c) Lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

d) Định kỳ 6 tháng, năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện về kết quả tạo lập, quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh, ngân sách huyện chuyển qua NHCSXH tỉnh, NHCSXH huyện theo thời hạn đã quy định tại Điều 11 Quy chế này.

4. Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố Kon Tum:

Chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan chức năng, NHCSXH tỉnh, NHCSXH huyện thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này.

5. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn:

a) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này;

b) Phối hợp với NHCSXH tỉnh, NHCSXH huyện, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đơn đốc trả nợ, trả lãi; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn;

c) Phối hợp với NHCSXH tỉnh, NHCSXH huyện xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn, hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan; tham gia tổ đơn đốc thu hồi nợ khó đòi.

6. Trách nhiệm của người vay:

a) Kê khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác;

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích;

c) Hoàn trả gốc, lãi đúng quy định.

Điều 14. Xử lý vi phạm

Những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật./

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hòa